

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 14 - 3 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và Ông Trần Thanh Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-TCDS ngày 05/12/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-TCDS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B P, phường N, thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị T vay của bà Phạm Thị N 02 lần, cụ thể: lần thứ nhất vào ngày 13/3/2017 với số tiền 200.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 03/4/2017 với số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất các lần vay theo thỏa thuận là 1,5%/tháng; các lần vay tiền đều lập giấy vay và có chữ ký xác nhận của bà T. Tổng số tiền bà T đã vay bà N là 230.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng*). Nội dung các bên thỏa thuận là bà T phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay khi bà N có yêu cầu và báo trước 01 tháng. Từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2018, bà T thực hiện việc trả lãi đầy đủ,

với số tiền 3.450.000 đồng/tháng. Kể từ tháng 7/2018, bà T không thực hiện trả lãi hàng tháng. Bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà T lấy lý do và xin cho trả tiền gốc trước, tiền lãi sẽ trả dần sau đó.

Đối với khoản tiền gốc 230.000.000 đồng, bà T đã thực hiện việc trả cho bà N các lần như sau: tháng 8/2019 trả 20.000.000 đồng, tháng 8/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 07/3/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 12/4/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 26/5/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 27/6/2022 trả 5.000.000 đồng, ngày 04/7/2022 trả 5.000.000 đồng, ngày 12/8/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 17/11/2022 trả 10.000.000 đồng, ngày 09/10/2023 trả 5.000.000 đồng, ngày 25/3/2024 trả 5.000.000 đồng, ngày 08/6/2024 trả 5.000.000 đồng, ngày 18/12/2024 trả 10.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc mà bà T đã trả cho bà N là 125.000.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Đối với số tiền gốc và lãi còn lại, bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà T vẫn không hoàn trả, cũng như không có thiện chí về việc tiếp tục trả nợ. Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Giấy vay tiền ngày 13/3/2017 và Giấy vay tiền ngày 03/4/2017, bà N yêu cầu bà T phải trả 105.000.000 đồng (*Một trăm linh năm triệu đồng*) tiền gốc còn lại và số tiền lãi tạm tính từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2024 với số tiền 198.900.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền bà T còn nợ bà N là 303.900.000 đồng (*Ba trăm linh ba triệu chín trăm nghìn đồng*).

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị N tổng số tiền 303.900.000 đồng (*Ba trăm linh ba triệu chín trăm nghìn đồng*); trong đó: tiền gốc là 105.000.000 đồng; tiền lãi là 198.900.000 đồng.

- *Quá trình tố tụng, bị đơn trình bày:* Ngày 12/3/2017, giữa bà và bà Phạm Thị N lập một giấy vay tiền theo đó bà vay 200.000.000 đồng và đã nhận tiền, lãi theo thỏa thuận 1,5%/tháng (18%/năm). Ngày 03/4/2017 bà tiếp tục vay thêm 30.000.000 đồng, lãi suất cũng như trên, tổng số tiền đã vay 230.000.000 đồng. Trong quá trình vay mượn bà đã trả lãi cho bà N đầy đủ từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2018. Từ tháng 7/2018 đến nay khó khăn nên chưa trả được tiền lãi nhưng trong đó bà đã trả nợ gốc được 125.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 105.000.000 đồng. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc còn lại, bà xin trả số tiền gốc còn tiền lãi đề nghị bà N cho được miễn vì hoàn cảnh khó khăn. Phương án trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại phiên Tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 105.000.000 đồng. Thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, đó là từ việc yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 198.900.000 đồng xuống còn số tiền 120.000.000 đồng, tổng số tiền 225.000.000 đồng. Yêu cầu bị đơn trả một lần cho nguyên đơn.

- Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh khó khăn, xin được trả số tiền gốc theo phương án 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ và đề nghị nguyên đơn miễn lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên Tòa:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu tiền lãi từ 198.900.000 đồng xuống còn 120.000.000 đồng, xét đây là ý chí tự nguyện, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 243, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu này.

[2] Về hình thức giao dịch dân sự: Vay mượn của các bên được lập thành văn bản, nên đây là giao dịch dân sự thể hiện bằng văn bản, hình thức là Hợp đồng vay tài sản. Các bên đã trưởng thành, tại thời điểm ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; bên vay và bên mượn thỏa thuận và ký biên bản không thuộc trường hợp bị lừa dối, ép buộc nên được xác định là hoàn toàn tự nguyện; nội dung không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội; lãi suất không vượt quá 20%/năm. Căn cứ các Điều 117, 119, 463 Bộ luật dân sự, giao dịch dân sự này có hiệu lực.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hiện nay bị đơn bà Phạm Thị T còn nợ nguyên đơn bà Phạm Thị N với tổng số tiền là 225.000.000 đồng, trong đó có 105.000.000 đồng nợ gốc, 120.000.000 đồng nợ lãi. Bị đơn đề nghị được miễn lãi và trả gốc với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ gốc, tuy nhiên không được đại diện nguyên đơn chấp nhận. Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự buộc bà Phạm Thị T trả cho bà Phạm Thị N toàn bộ số tiền này.

[4] Về yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phương án trả nợ gốc và miễn lãi của bị đơn không được đại diện nguyên đơn chấp nhận. Theo nội dung các bên thỏa thuận trong giấy vay tiền là bà T phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay khi bà N có yêu cầu và báo trước 01 tháng. Tuy nhiên theo trình bày của các bên cũng như tài liệu trong hồ sơ thể hiện là kể từ tháng 7/2018, bà N nhiều lần yêu cầu nhưng bà T không thực hiện trả nợ. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do vậy đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 185, Điều 186, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326+.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bà Phạm Thị T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Phạm Thị N số tiền 225.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng*), trong đó 105.000.000 đồng tiền vay gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi.

Thời hạn thanh toán là một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 357 tính lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm trả thi hành án.

2. Án phí: Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Phạm Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.250.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2025).

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKS nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Anh Đức